

# TIA SỐ – SỐ LIỀN TRƯỚC, SỐ LIỀN SAU (2 tiết)

## A. Mục tiêu

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được tia số.
- Xác định được số trên tia số.
- So sánh được các số dựa trên tia số.
- Làm quen số liền trước, số liền sau, nhận biết quan hệ (lớn hơn, bé hơn) giữa số liền trước và số liền sau qua các trường hợp cụ thể.
- Xác định được số liền trước, số liền sau trên tia số.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

## B. Thiết bị dạy học

GV: tia số, thẻ từ dùng cho bài tập 2.

HS: thước thẳng có vạch chia thành từng xăng-ti-mét.

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞI ĐỘNG

Nhóm hai HS dùng thước thẳng và bút chì vẽ lên giấy một đoạn thẳng dài 10 cm (một bạn vẽ, một bạn kiểm tra).

### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. Giới thiệu tia số

- GV hướng dẫn HS **quan sát** các hình ảnh trong SGK (trang 28) để **nhận biết**:
  - Tính từ dưới lên, số khồi lập phương lần lượt là 0, 1, 2, 3, … , 12.

- 1 khói lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 1.
  - 2 khói lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 2.
  - ...
  - 12 khói lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 12.
  - 0 khói lập phương tương ứng với điểm 0.
  - Đoạn thẳng từ 0 tới 7 tương ứng với 7 khói lập phương.
  - Đoạn thẳng từ 0 tới 10 tương ứng với 10 khói lập phương.
- GV giới thiệu: (gắn hoặc vẽ tia số lên bảng lớp)
- Người ta đã dùng tia số (chỉ vào hình) để biểu thị các số.
  - Tia số có các vạch cách đều nhau, mỗi vạch biểu thị một điểm thể hiện cho một số. Tia số bắt đầu từ số 0, cuối cùng có mũi tên.
  - Trên tia số, mỗi số khác 0 **lớn hơn** các số bên trái và **bé hơn** các số bên phải của nó.
  - Nhiều khi tia số dài quá nên người ta chỉ vẽ một phần của tia số (HS quan sát hình ảnh các tia số trong phần thực hành – SGK trang 29).
- HS **đọc** các số trên tia số phần bài học.
- GV chọn một vài cặp số liền nhau trên tia số, yêu cầu HS dùng các từ “số liền trước, số liền sau” để nói.
- Ví dụ: Số liền trước của 8 là 7.  
Số liền sau của 7 là 8.

## 2. Thực hành

### Bài 1:

- HS **đọc** cá nhân, **đọc** cho bạn bên cạnh nghe; **đọc** cả lớp nghe.
  - Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm.
- Ví dụ: a) GV chỉ vào dấu hỏi ở vị trí số 9 và hỏi: Số mấy? (9)  
Tại sao? (HS có thể trả lời theo các cách khác nhau: 8 rồi tới 9; số liền sau của 8 là 9).

### Bài 2:

- Mỗi HS, tay trái **chỉ** vào số 37, tay phải **chỉ** vào số 40 và **nói**:  
37 bé hơn 40, 40 lớn hơn 37.

### GV giúp HS **nhận biết**:

Trên tia số, số bên trái bé hơn số bên phải,  
số bên phải lớn hơn số bên trái.

- (**HS làm cá nhân**) GV hướng dẫn HS nhìn vào tia số để so sánh số.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm dựa vào nhận xét trên.

### Bài 3:

- GV hướng dẫn HS chơi theo nhóm đôi:
  - GV viết số bắt kí lên bảng lớp. Ví dụ: 24.
  - Tổ 1 và tổ 2: viết thêm số liền trước của số đó vào bảng con. (24      23)
  - Tổ 3 và tổ 4: viết thêm số liền sau của số đó vào bảng con. (24      25)

- Viết thêm dấu vào để so sánh hai số.

Ví dụ:  $24 > 23$  hoặc  $24 < 25$ .

– GV cho HS chơi:

- A: Viết số tùy thích.
- B: Viết số liền trước hoặc số liền sau của số bạn A vừa viết.

– GV cho vài nhóm đưa bảng lên trước lớp, cả lớp đọc và nhận xét.

– HS **nhận biết**: số liền trước bé hơn số liền sau, số liền sau lớn hơn số liền trước.

## LUYỆN TẬP

**Bài 1:** GV cho HS làm cá nhân.

– Sửa bài: GV có thể tổ chức cho HS chơi tiếp sức để ghi kết quả vào bảng phụ.

a) Số liền sau của 9 là 10.

Số liền trước của 25 là 24.

Số liền sau của 81 là 82.

b) Số liền trước của 10 là 9.

Số liền trước của 69 là 68.

Số liền sau của 47 là 48.

Cả lớp nhận xét.

– Mở rộng: Một số thêm 1 đơn vị được số liền sau.

Một số bớt 1 đơn vị được số liền trước.

**Bài 2:** GV cho HS thảo luận nhóm đôi.

– Sửa bài: GV có thể dùng các thẻ từ ghi sẵn cụm từ “số liền trước”, “số liền sau” gắn vào chỗ chấm trên bảng lớp. Khuyến khích HS giải thích vì sao chọn cụm từ đó.

Ví dụ: 31 là số liền sau của 30 vì 31 bớt 1 được 30 (hoặc 30 thêm 1 được 31).

...

**Bài 3:**

– HS làm nhóm đôi; sau đó trao đổi trong nhóm bốn.

– Khi sửa bài GV cho HS giải thích cách làm:

Nhìn tia số để xác định số liền trước, số liền sau; số lớn hơn 75 nhưng bé hơn 77.

## CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi: Tìm bạn?

– HS viết một số bất kì trong phạm vi 100 vào bảng con.

– GV ra hiệu lệnh, các em đi tìm bạn có số liền trước hoặc số liền sau với số của mình trong vòng 1 phút.

– Những cặp HS nào tìm được nhau thì đứng trước lớp giới thiệu.

Ví dụ: Tôi là 33, 32 là số liền trước của 33, 32 đứng bên trái của 33 trên tia số

(hoặc: Tôi là 33, là số liền sau của 32, 33 đứng bên phải của 32 trên tia số)

...